THỎA THUẬN
GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ NƯỚC CHDCND LÀO

về việc tạo điều kiện thuận lợi cho người, phương tiện, hàng hóa qua lại biên giới và khuyến khích phát triển hợp tác thương mại, đầu tư giữa Việt Nam và Lào.

Thực hiện thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, từ ngày 12 đến ngày 13 tháng 8 năm 2002, tại Viêng-chăn, Thủ đô nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đã tiến hành cuộc họp giữa Đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam và Đoàn đại biểu Chính phủ Lào (sau đây gọi tắt là hai Bên).

Đoàn Việt Nam do đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Phân ban hợp tác Việt Nam - Lào làm Trưởng đoàn.

Đoàn Lào do đồng chí Thoong-lun Xi-xu-lít, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Phân ban hợp tác Lào - Việt Nam làm Trưởng đoàn.

Danh sách thành viên Đoàn Việt Nam và Đoàn Lào được nêu trong Phụ lục số 1 kèm theo.

Trong cuộc họp này, hai Bên đã kiểm điểm việc thực hiện "Thỏa thuận Cửa Lò 1999" ký ngày 23 tháng 8 năm 1999 tại thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An về việc tạo điều kiện thuận lợi cho người, phương tiện và hàng hóa qua lại biên giới giữa hai nước; đánh giá cao những cố gắng của cả hai Bên trong việc phối hợp sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản, quy định có liên quan đến người, phương tiện hàng hóa qua lại biên giới hai nước; đã tổ chức phổ biến, hướng dẫn thực hiện các văn bản, quy định này theo tinh thần mà hai Chính phủ đã thỏa thuận.

Hai Bên vui mừng nhận thấy sau ba năm thực hiện Thỏa thuận trên, việc qua lại biên giới hai nước của người, phương tiện và hàng hóa đã thuận lợi hơn trước. Kết quả này đã góp phần quan trọng tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị và thúc đẩy hợp tác giữa hai nước.

Hai Bên đã nêu ra những khó khăn, tồn tại và thỏa thuận những biện pháp để tiếp tục tạo thuận lợi cho người, phương tiện và hàng hóa qua lại biên

giới, cũng như những cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích phát triển thương mại, đầu tư giữa hai nước chủ yếu sau đây:

I. VỀ TIẾP TỤC TẠO THUẬN LỢI CHO NGƯỜI, PHƯƠNG TIỆN, HÀNG HÓA QUA LẠI BIÊN GIỚI HAI NƯỚC.

Trên cơ sở kết quả đạt được trong việc thực hiện "Thỏa thuận Cửa Lò 1999", hai Bên thống nhất tiếp tục thúc đẩy thực hiện một số nội dung còn tồn đọng; bổ sung, sửa đổi một số nội dung phù hợp với tình hình mới như sau:

1. Thủ tục cho người qua lại và cư trú:

1.1. Hai Bên thỏa thuận công dân của hai nước thuộc mọi thành phần kinh tế và các tổ chức có tư cách pháp nhân mang Hộ chiếu phổ thông có dán tem AB (của Việt Nam) và ký hiệu SERVICE (của Lào) đi qua biên giới để thực hiện các hợp đồng thương mại, lao động, đầu tư và các dự án hợp tác, được miễn thị thực nhập cảnh, xuất cảnh của Bên kia và không phải gửi danh sách trước để đối chiếu tại cửa khẩu. Tem AB (của Việt Nam) và ký hiệu SERVICE (của Lào) được cấp với thời hạn không quá một năm.

1.2. Hộ chiếu phổ thông dán tem AB (của Việt Nam) và ký hiệu SERVICE (của Lào) phải được cấp đúng đối tượng gồm những người thực hiện các hợp đồng hợp tác dài hạn, học sinh, sinh viên, thực tập sinh theo chương trình hợp tác giữa hai Chính phủ hoặc giữa các tổ chức quốc doanh hai nước được nêu tại Điều 1.3 Công hàm số 220/NG-LS của Bộ Ngoại giao Việt Nam, ngày 18 tháng 7 năm 1993 và Công hàm số 285/TDT/CS của Bộ Ngoại giao Lào ngày 05 tháng 8 năm 1993 về sửa đổi, bổ sung Điều 1 và Điều 4 Hiệp định miễn thị thực giữa hai nước ký ngày 17 tháng 7 năm 1977 và Điểm 1.1 của Thỏa thuận này.

1.3. Hai Bên thỏa thuận thực hiện cấp thị thực nhập cảnh cho công dân hai nước mang Hộ chiếu phổ thông (không thuộc đối tượng tại Điểm 1.1 và 1.2 nêu trên) qua lại mỗi nước tại các cửa khẩu quốc tế đường bộ và đường không với mức lệ phí thống nhất là 20 USD/thị thực, thu bằng tiền đồng Việt Nam, kíp Lào hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi (theo tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Ngoại thương Lào công bố tại thời điểm thu).

1.4. Trong vòng 30 ngày, sau khi nhập cảnh vào nước bên kia, chủ dự án hoặc người sử dụng lao động phải làm đầy đủ các thủ tục để đăng ký cư trú cho người lao động theo quy định hiện hành của mỗi nước. Thẻ tạm trú và giấy phép lao động (đối với người thực hiện hợp đồng lao động) được cấp một lần phù hợp với thời hạn của các hợp đồng thương mại, lao động, đầu tư, các dự án hợp tác theo quy định của mỗi nước.

Hai Bên thỏa thuận thông báo công khai các quy định về điều kiện, thủ tục, mức lệ phí cấp thẻ tạm trú, giấy phép lao động. Mức lệ phí cấp thẻ tạm trú, giấy phép lao động phù hợp với thu nhập thực tế của người lao động và những quy định pháp luật của mỗi nước. Người được cấp thẻ tạm trú, giấy phép lao động được miễn thị thực khi xuất cảnh, nhập cảnh trong thời hạn của thẻ tạm trú, giấy phép lao động đã được cấp.

1.5. Hai Bên nhất trí tiếp tục cho phép các công dân thuộc tỉnh Bên này có chung đường biên giới với tỉnh Bên kia được qua lại bằng Giấy thông hành biên giới do cơ quan công an cấp tỉnh cấp. Khi muốn đến các tỉnh khác ở mỗi nước phải được cơ quan công an cấp tỉnh cho phép nhập cảnh. Công dân mỗi nước được sử dụng cửa khẩu gần nhất để xuất cảnh.

2. Thủ tục qua lại cho phương tiện, vật tư, thiết bị, hàng hóa.

2.1. Hai Bên thỏa thuận tiếp tục thực hiện việc tính giá trị vật tư, thiết bị tạm nhập tái xuất cả hai phía đưa vào thực hiện các hợp đồng kinh tế và các hợp đồng ở nước bên kia bằng đô-la Mỹ (USD) tại thời điểm kê khai. Vật tư, thiết bị tạm nhập tái xuất theo hợp đồng này nếu bán hoặc sử dụng trái với mục đích của hợp đồng sẽ phải tuân theo quy định hiện hành của mỗi nước.

2.2. Hai Bên thỏa thuận giao cho hai ngành hải quan hai nước thống nhất mẫu, nội dung, tiêu chí tờ khai hải quan theo hướng đơn giản, thuận lợi cho việc quản lý xuất, nhập khẩu của mỗi Bên và phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Thống nhất mã hóa các loại mẫu tờ khai bằng tiếng Việt-Anh và Lào-Anh. Niêm yết công khai các thủ tục, danh mục hàng cấm, thuế suất các loại hàng hóa và hướng dẫn mẫu tờ khai tại các cửa khẩu biên giới hai nước.

2.3. Hai Bên thỏa thuận thực hiện việc phối hợp "kiểm tra một lần". Giao cho ngành hải quan hai nước xây dựng đề án thực hiện cơ chế "kiểm tra một lần" trình hai Chính phủ xem xét, quyết định, trước mắt thực hiện thí điểm tại cửa khẩu Lao Bảo (Việt Nam) và Đen-xa-vẳn (Lào).

2.4. Hai Bên tăng cường kiểm tra thường xuyên việc chống buôn lậu và ma túy giữa hai nước; thường xuyên thông báo cho nhau những thông tin, phát hiện, phối hợp ngăn chặn kịp thời các hiện tượng, các tổ chức đường dây buôn lậu và buôn bán ma túy qua biên giới.

2.5. Hai Bên nhất trí với nội dung Hiệp định và Nghị định vận tải đường bộ đã ký kết và yêu cầu thông báo cho các cơ quan chức năng mỗi Bên và các cửa khẩu giữa hai nước thực hiện các nội dung được bổ sung sau đây:

- Phương tiện được tạm nhập, tái xuất vào mỗi nước trong thời hạn 30 ngày và được tạm nhập tại cửa khẩu này và tái xuất tại cửa khẩu khác.

- Các phương tiện tạm nhập, tái xuất vào mỗi nước được phép chở hàng hai chiều mà không cần xin phép tại địa phương nơi tái xuất.

- Hai Bên thông báo cho nhau quy định việc tính tải trọng xe được phép lưu hành của nước mình và công bố công khai tại cửa khẩu của mỗi nước; thống nhất chỉ kiểm tra tải trọng xe một lần (trừ trường hợp có nghi vấn).

3. Quá cảnh hàng hóa.

Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp định Chính phủ về quá cảnh hàng hóa giữa hai nước đã ký ngày 23 tháng 4 năm 1994 và Hiệp định đã ký ngày 18 tháng 01 năm 2000 về sửa đổi một số điều Hiệp định quá cảnh hàng hóa ký ngày 23 tháng 4 năm 1994. Thường xuyên kiểm tra, giám sát và thông báo cho nhau kết quả thực hiện.

4. Thuế, phí và lệ phí.

4.1. Hai Bên thỏa thuận tiếp tục giảm 50% thuế nhập khẩu cho hàng hóa có xuất xứ từ mỗi nước vào nước Bên kia. Danh mục, số lượng hoặc trị giá hàng hóa giảm thuế nhập khẩu vào mỗi nước hàng năm giao cho hai Bộ Thương mại hai nước thỏa thuận cụ thể trình Chính phủ mỗi Bên đưa vào Hiệp định hợp tác hàng năm giữa hai nước. Giá tính thuế để tính giảm thuế là giá hợp đồng ký kết giữa các công ty của hai nước.

4.2. Hai Bên dành ưu đãi giảm mức giá thuê gian hàng triển lãm cho nhau và thỏa thuận chỉ thu thuế các hàng hóa đã được bán hoặc sử dụng với mục đích khác tại nước trưng bày triển lãm theo quy định của nước sở tại.

4.3. Giao cho hai Bộ Tài chính hai nước triển khai bảo hiểm đối với phương tiện khi qua biên giới của mỗi nước.

5. Thanh toán và chuyển tiền.

5.1. Hai Bên thống nhất khuyến khích các doanh nghiệp hai nước sử dụng kíp Lào (LAK) và đồng Việt Nam (VND) trong quan hệ thương mại, đầu tư.

5.2. Giao cho ngành tài chính và ngân hàng hai nước thực hiện việc chi trả cho các dự án sử dụng vốn viện trợ và vốn vay của Việt Nam dành cho Lào bằng kíp Lào (LAK) và đồng Việt Nam (VND).

5.3. Ưu tiên thực hiện cơ chế đổi hàng cho các doanh nghiệp có hoạt động thương mại, đầu tư giữa hai nước bằng các loại hàng hóa được Chính phủ hai nước cho phép.

6. Kiểm tra, kiểm soát.

6.1. Hai Bên thống nhất thực hiện triệt để việc giảm bớt các trạm kiểm tra, kiểm soát trên các tuyến đường và thông báo cụ thể cho nhau các trạm này như đã thỏa thuận; tăng cường đầu tư trang thiết bị, nhân lực để giảm thiểu thời gian làm thủ tục qua lại tại các cửa khẩu.

6.2. Hai Bên nhất trí tiếp tục thực hiện giờ làm việc tại các trạm cửa khẩu biên giới Việt Nam và các trạm cửa khẩu biên giới Lào hàng ngày liên tục (kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần) từ 07h00 đến 19h30. Ngoài ra, sẽ giải quyết các trường hợp khẩn cấp qua lại biên giới vào bất cứ giờ nào.

II. CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH THƯƠNG MẠI, ĐẦU TƯ GIỮA HAI NƯỚC.

Nhằm mục tiêu chung tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong quan hệ thương mại, đầu tư giữa hai nước, hai Bên thỏa thuận cùng đồng thời triển khai thực hiện các cơ chế chính sách sau:

1. Hai Bên thỏa thuận áp dụng cơ chế vay vốn tín dụng ưu đãi đặc biệt đối với các doanh nghiệp bên mình (kể cả doanh nghiệp nhà nước và các thành phần kinh tế khác) khi có dự án đầu tư tại Lào và tại Việt Nam. Phía Việt Nam sẽ xem xét ưu tiên cấp bổ sung vốn điều lệ doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp phía mình khi có các hoạt động thương mại, đầu tư với quy mô nhất định tại Lào.

2. Hai Bên thỏa thuận khi có điều kiện sẽ dành ưu tiên cho các doanh nghiệp mỗi nước có hoạt động hợp tác với nhau như: thực hiện các dự án thương mại, đầu tư, tham gia đấu thầu các công trình bằng các nguồn vốn của hai nước.

3. Hai Bên thỏa thuận thực hiện công khai các loại thuế, phí, lệ phí đối với các dự án đầu tư của hai Bên vào mỗi Bên. Không đánh thuế nhập khẩu các vật tư, thiết bị, phương tiện, nguyên, nhiên, vật liệu dùng để xây dựng cơ sở vật chất ban đầu của dự án.

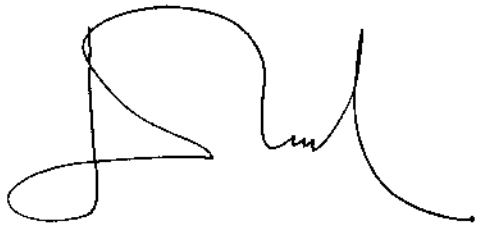
4. Hai Bên thỏa thuận cho phép các sản phẩm do các dự án đầu tư của Việt Nam sản xuất tại Lào và của Lào sản xuất tại Việt Nam được vận chuyển qua biên giới hai nước với thủ tục đơn giản nhất.

5. Hai Bên thỏa thuận dành ưu tiên và tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp và công dân hai nước triển khai các thủ tục đầu tư, thương mại ở mỗi Bên. Thực hiện việc cấp phép đầu tư đồng thời với việc cấp phép kinh doanh để dự án có thể hoạt động sớm nhất.

6. Hai Bên thỏa thuận sẽ thường xuyên tiếp xúc và thông báo cho nhau các thông tin có liên quan đến thương mại, đầu tư giữa hai nước. Thường xuyên tổ chức các cuộc tiếp xúc để nắm bắt và xử lý kịp thời các vấn đề do các doanh nghiệp hai nước yêu cầu.

Bản Thỏa thuận này có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày ký và được gọi là "Thỏa thuận Viêng-chăn 2002" thay thế cho "Thỏa thuận Cửa Lò 1999" giữa hai Chính phủ đã ký ngày 23 tháng 8 năm 1999.

Bản Thỏa thuận này làm tại Viêng-chăn, Thủ đô nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ngày 13 tháng 8 năm 2002 thành hai bản, bằng hai thứ tiếng Việt và tiếng Lào. Cả hai bản đều có giá trị ngang nhau.

T/M CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**	**T/M CHÍNH PHỦ** **CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**
	
Phó Thủ tướng **Nguyễn Tấn Dũng**	**Phó Thủ tướng** **Thoong-lun Xi-xu-lít**